

Số: 118/ĐL- CVHTTN

ĐIỀU LỆ
Giải Khiêu vũ Thể thao, đồng diễn, dân vũ
Hải Phòng mở rộng lần thứ X, năm 2026

I. MỤC ĐÍCH

- Hoạt động nhằm khuyến khích phong trào tập luyện và thi đấu môn khiêu vũ thể thao và các môn nhảy, múa hiện đại tại các địa phương, đơn vị;
- Tạo điều kiện cho các vận động viên có cơ hội được thi đấu, cọ sát, tích lũy kinh nghiệm, bản lĩnh và nâng cao thành tích thi đấu;
- Tìm kiếm, phát hiện những cá nhân và cặp nhảy xuất sắc ở các lứa tuổi, bồi dưỡng, rèn luyện trở thành hạt nhân tiêu biểu tham gia phong trào thể dục thể thao quần chúng.

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM

1. Thời gian: Ngày 18-19 tháng 7 năm 2026 (thứ Bảy và Chủ nhật)

2. Chương trình sơ bộ

Ngày	Thời gian	CHƯƠNG TRÌNH
18/7/2026	9h00 - 18h00	Đón tiếp, nhận số đeo
	8h00 - 14h00	Vận động viên thử sàn
	14h00 - 19h00	Thi đấu
19/7/2026	7h00 - 9h30	Thi đấu
	10h00 - 10h30	Khai mạc
	11h00 -12h00	Thi đấu
	12h00 - 13h00	Giải lao
	13h00 - 22h00	Thi đấu
	22h00	Kết thúc giải

Giờ thi đấu thực tế có thể thay đổi so với chương trình dự kiến mà Ban Tổ chức không cần phải thông báo trước, do đó các vận động viên, cặp vận động viên

phải có mặt tại khu vực tập trung chuẩn bị thi đấu trước 60 phút so với giờ thi đấu dự kiến ghi trong chương trình. Nếu sự kiện thi đấu đó diễn ra trong khoảng thời gian đã nói ở trên mà vận động viên, cặp vận động viên đó không có mặt, Ban Tổ chức sẽ hoàn toàn không chịu trách nhiệm.

3. Địa điểm: Nhà thi đấu Cung Văn hóa Thanh thiếu nhi thành phố Hải Phòng (Số 45 Lạch Tray, phường Gia Viên, thành phố Hải Phòng).

III. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ THI

- Tất cả các vận động viên đang tập luyện, sinh hoạt tại các Câu lạc bộ Khiêu vũ thể thao, nhảy múa và thể thao nghệ thuật.

- Vận động viên phải có giấy xác nhận đủ sức khỏe tham gia thi đấu của cơ sở y tế có thẩm quyền cấp. Các đơn vị tự chịu trách nhiệm về sự an toàn đối với các thành viên trong quá trình tham dự giải.

IV. NỘI DUNG THI ĐẤU

1. Thể loại: Khiêu vũ thể thao, đồng diễn dân vũ, zumba, nhảy múa, thể dục nghệ thuật.

2. Nội dung thi đấu:

2.1. Thi đấu Khiêu vũ Thể thao hạng mở rộng:

STT	HẠNG THI ĐẤU		LATIN	STANDARD
1.	NHI ĐỒNG Từ 7 tuổi (sinh từ năm 2019 trở về sau)	Hạng A	S, C, R,P, J	W, T, VW, SF,Q
2.		Hạng C	C, R, J	W, T, Q
3.		Hạng D	C, R	W, T
4.		Hạng E1	C	W
5.		Hạng E2	R	T
6.		Hạng E3	J	Q
7.		Hạng E4	S	SF
8.		Hạng E5	P	VW
9.		Hạng F1	C	W
10.		Hạng F2	R	T
11.		Hạng F3	J	Q
12.		Hạng FD	C, R	W, T
13.		Hạng FD1	C, J	W, Q
14.		Hạng FD2	R, J	W, SF
15.		Hạng FD3	C, S	T, Q
16.		Hạng FC	C, R, J	W, T, Q

17.	THIẾU NHI 1 <i>Từ 8 đến 9 tuổi (sinh từ năm 2018 đến 2017)</i>	Hạng A	S, C, R, P, J	W, T, VW, SF, Q
18.		Hạng C	C, R, J	W, T, Q
19.		Hạng D	C, R	W, T
20.		Hạng E1	C	W
21.		Hạng E2	R	T
22.		Hạng E3	J	Q
23.		Hạng E4	S	F
24.		Hạng E5	P	VW
25.		Hạng F1	C	W
26.		Hạng F2	R	T
27.		Hạng F3	J	Q
28.		Hạng F4	S	F
29.		Hạng F5	P	VW
30.		Hạng FD	C, R	W, T
31.		Hạng FD1	C, J	W, Q
32.		Hạng FD2	R, J	W, F
33.		Hạng FD3	C, S	T, Q
34.		Hạng FD4	R, S	T, F
35.		Hạng FD5	S, J	Q, F
36.		Hạng FC	C, R, J	W, T, Q
37.		Hạng FA	S, C, R, P, J	W, T, VW, SF, Q
38.	THIẾU NHI 2 <i>Từ 10 đến 11 tuổi (sinh từ năm 2016 đến 2015)</i>	Hạng A	S, C, R, P, J	W, T, VW, SF, Q
39.		Hạng C	C, R, J	W, T, Q
40.		Hạng D	C, R	W, T
41.		Hạng E1	C	W
42.		Hạng E2	R	T
43.		Hạng E3	J	Q
44.		Hạng E4	S	F
45.		Hạng E5	P	VW
46.		Hạng F1	C	W
47.		Hạng F2	R	T
48.		Hạng F3	J	Q
49.		Hạng F4	S	F
50.		Hạng F5	P	VW



51.		Hạng FD	C, R	W, T
52.		Hạng FD1	C, J	W, Q
53.		Hạng FD2	R, J	W, F
54.		Hạng FD3	C, S	T, Q
55.		Hạng FD4	R, S	T, F
56.		Hạng FD5	S, J	Q, F
57.		Hạng FC	C, R, J	W, T, Q
58.		Hạng FA	S, C, R, P, J	W, T, VW, SF, Q
59.	ĐÔI NỮ THIẾU NHI <i>Từ 7 tuổi đến 11 tuổi (sinh từ năm 2019 đến 2015)</i>	Hạng D	C, R	
60.		Hạng E1	C	
61.		Hạng E2	R	
62.	THIẾU NIÊN 1 <i>Từ 12 tuổi đến 13 tuổi (sinh từ năm 2014 đến 2013)</i>	Hạng A	S, C, R, P, J	W, T, VW, SF, Q
63.		Hạng C	C, R, J	W, T, Q
64.		Hạng D	C, R	W, T
65.		Hạng E1	C	W
66.		Hạng E2	R	T
67.		Hạng E3	J	Q
68.		Hạng E4	S	F
69.		Hạng E5	P	VW
70.		Hạng F1	C	W
71.		Hạng F2	R	T
72.		Hạng F3	J	Q
73.		Hạng F4	S	F
74.		Hạng F5	P	VW
75.		Hạng FD	C, R	W, T
76.		Hạng FC	C, R, J	W, T, Q
77.		Hạng FA	S, C, R, P, J	W, T, VW, SF, Q
78.	THIẾU NIÊN 2 <i>Từ 14 tuổi đến 15 tuổi (sinh từ năm 2012 đến 2011)</i>	Hạng A	S, C, R, P, J	W, T, VW, SF, Q
79.		Hạng C	C, R, J	W, T, Q
80.		Hạng D	C, R	W, T
81.		Hạng E1	C	W
82.		Hạng E2	R	T
83.		Hạng E3	J	Q
84.		Hạng E4	S	F

85.		Hạng E5	P	VW
86.		Hạng F1	C	W
87.		Hạng F2	R	T
88.		Hạng F3	J	Q
89.		Hạng F4	S	F
90.		Hạng F5	P	VW
91.		Hạng FD	C, R	W, T
92.		Hạng FC	C, R, J	W, T, Q
93.		Hạng FA	S, C, R, P, J	W, T, VW, SF, Q
94.	ĐÔI NỮ THIẾU NIÊN <i>Từ 12 tuổi đến 16 tuổi (sinh từ năm 2014 đến 2010)</i>	Hạng D	C, R	
95.		Hạng E1	C	
96.		Hạng E2	R	
97.	TRẺ <i>Từ 16 tuổi đến 20 tuổi (sinh năm 2010 đến 2006)</i>	Hạng A	S, C, R, P, J	W, T, VW, SF, Q
98.		Hạng C	C, R, J	W, T, Q
99.		Hạng D	C, R	W, T
100.		Hạng E1	C	W
101.		Hạng E2	R	T
102.		Hạng E3	J	VW
103.		Hạng E4	S	SF
104.		Hạng E5	P	VW
105.		Hạng F1	C	W
106.		Hạng F2	R	T
107.		Hạng F3	J	Q
108.		Hạng F4	S	F
109.		Hạng F5	P	VW
110.		Hạng FA	S, C, R, P, J	W, T, VW, SF, Q
111.		Hạng FC	C, R, J	W, T, Q
112.		Hạng FD	C, R	W, T
113.	THANH NIÊN <i>Từ 21 tuổi trở lên (sinh từ năm 2005 trở về trước)</i>	Hạng A	S, C, R, P, J	W, T, VW, SF, Q
114.		Hạng C	C, R, J	W, T, Q
115.		Hạng D	C, R	W, T
116.		Hạng E1	C	W
117.		Hạng E2	R	T
118.		Hạng E3	J	Q

119.		Hạng E4	S	SF
120.		Hạng E5	P	VW
121.		Hạng F1	C	W
122.		Hạng F2	R	T
123.		Hạng F3	J	Q
124.		Hạng F4	S	SF
125.		Hạng F5	P	VW
126.		Hạng FA	S, C, R, P, J	W, T, VW, SF, Q
127.		Hạng FC	C, R, J	W, T, Q
128.		Hạng FD	C, R	W, T
129.	ĐÔI NỮ THANH NIÊN <i>Từ 21 tuổi trở lên (sinh từ năm 2005 trở về trước)</i>	Hạng D	C, R	
130.		Hạng E1	C	
131.		Hạng E2	R	
132.	TRUNG NIÊN 1 <i>Một VĐV phải đạt tối thiểu 35 tuổi trở lên (sinh từ năm 1991 trở về trước), VĐV còn lại tối thiểu phải 30 tuổi trở lên (sinh từ năm 1996 trở về trước)</i>	Hạng A	S, C, R, P, J	W, T, VW, SF, Q
133.		Hạng C	C, R, J	W, T, Q
134.		Hạng D	C, R	W, T
135.		Hạng E1	C	W
136.		Hạng E2	R	T
137.		Hạng E3	J	Q
138.		Hạng E4	S	F
139.		Hạng E5	P	VW
140.	TRUNG NIÊN 2 <i>Một VĐV phải đạt tối thiểu 45 tuổi trở lên (sinh từ năm 1981 trở về trước), VĐV còn lại tối thiểu phải 40 tuổi trở lên (sinh từ năm 1986 trở về trước)</i>	Hạng A	S, C, R, P, J	W, T, VW, SF, Q
141.		Hạng C	C, R, J	W, T, Q
142.		Hạng D	C, R	W, T
143.		Hạng E1	C	W
144.		Hạng E2	R	T
145.		Hạng E3	J	Q
146.		Hạng E4	S	F
147.		Hạng E5	P	VW
148.	TRUNG NIÊN 3	Hạng A	C, R, J, S, P	W, T, Q, SF, VW
149.		Hạng C	C, R, J	W, T, Q
150.		Hạng D	C, R	W, T

151.	<i>Một VĐV phải đạt tối thiểu 55 tuổi trở lên (sinh từ năm 1971 trở về trước), VĐV còn lại tối thiểu phải 50 tuổi trở lên (sinh từ năm 1976 trở về trước)</i>	Hạng E1	C	W
152.		Hạng E2	R	T
153.		Hạng E3	J	Q
154.		Hạng E4	S	F
155.		Hạng E5	P	VW
156.	TRUNG NIÊN 4 <i>Một VĐV phải đạt tối thiểu 50 tuổi trở lên (sinh từ năm 1976 trở về trước), VĐV còn lại không giới hạn độ tuổi</i>	Hạng C	C, R, J	W, T, Q
157.		Hạng D	C, R	W, T
158.		Hạng E1	C	W
159.		Hạng E2	R	T
160.		Hạng E3	J	Q
161.		Hạng E4	S	F
162.		Hạng E5	P	VW
163.	SOLO TRUNG NIÊN 1 <i>Từ 30 đến 45 tuổi (sinh từ năm 1996 đến năm 1981)</i>	Hạng F1	C	W
164.		Hạng F2	R	T
165.		Hạng F3	J	Q
166.		Hạng F4	S	F
167.		Hạng F5	P	VW
168.		Hạng FA	S, C, R, P, J	W, T, VW, SF, Q
169.		Hạng FC	C, R, J	W, T, Q
170.		Hạng FD	C, R	W, T
171.	SOLO TRUNG NIÊN 2 <i>Từ 45 đến 55 tuổi (sinh từ năm 1981 đến năm 1971)</i>	Hạng F1	C	W
172.		Hạng F2	R	T
173.		Hạng F3	J	Q
174.		Hạng F4	S	F
175.		Hạng F5	P	VW
176.		Hạng FA	S, C, R, P, J	W, T, VW, SF, Q
177.		Hạng FC	C, R, J	W, T, Q
178.		Hạng FD	C, R	W, T
179.	CAO NIÊN <i>Hai VĐV trên 60 tuổi (sinh năm 1966 trở về trước)</i>	Hạng C	C, R, J	W, T, Q
180.		Hạng D	C, R	W, T
181.		Hạng E1	C	W
182.		Hạng E2	R	T
183.		Hạng E3	J	Q

184.		Hạng E4	S	F
185.	SOLO CAO NIÊN <i>Từ 55 tuổi trở lên</i> <i>(sinh từ năm 1971 trở về trước)</i>	Hạng F1	C	W
186.		Hạng F2	R	T
187.		Hạng F3	J	Q
188.		Hạng F4	S	F
189.		Hạng FC	C, R, J	W, T, Q
190.		Hạng FD	C, R	W, T
191.	CỘNG TUỔI 100	Hạng C	C, R, J	W, T, Q
192.		Hạng D	C, R	W, T
193.		Hạng E1	C	W
194.		Hạng E2	R	T
195.		Hạng E3	J	Q
196.		Hạng E4	S	F
197.	CỘNG TUỔI 110	Hạng C	C, R, J	W, T, Q
198.		Hạng D	C, R	W, T
199.		Hạng E1	C	W
200.		Hạng E2	R	T
201.		Hạng E3	J	Q
202.		Hạng E4	S	F

* **Chú thích:** C = Cha Cha; R = Rumba; J = Jive ; S = Samba; P = Paso; W = Waltz; T = Tango; Q = Quickstep; SF = SlowFoxtrot; VW = Viennese Waltz.

2.2. Thi đấu đồng diễn đôi và đồng diễn đơn

2.2.1. Đồng diễn biểu diễn:

TT	Đồng diễn biểu diễn	Thiếu nhi	Thiếu niên	Người lớn
1	Khiêu vũ thể thao			
2	Dân vũ			
3	Zumba fitness			
4	Nhảy hiện đại			
5	Shuffle dance			
6	Hip hop			
7	Aerobic thẩm mỹ			
8	Yoga			
9	Múa			

2.2.2. Đồng diễn thi đấu:

TT	Vô địch đồng diễn	Thiếu nhi	Thiếu niên	Người lớn	Trung, cao niên
1	Khiêu vũ thể thao				
2	Dân vũ				
3	Zumba fitness, Aerobic thẩm mỹ				
4	Nhảy hiện đại, Hip hop				
5	Shuffle dance				
6	Yoga				
7	Múa				

3. Độ tuổi, số lượng, thể thức thi đồng diễn:

3.1. Độ tuổi:

- Thiếu nhi: Từ 04 tuổi - 12 tuổi
- Thiếu niên: Từ 13 tuổi - 17 tuổi
- Người lớn : Từ 18 tuổi - 35 tuổi
- Trung, cao niên: Từ 35 tuổi trở lên

(Thi đấu giữa các khung tuổi để tranh thứ hạng)

3.2. Số lượng:

- Tối thiểu 08 người/01 nội dung đồng đội đơn, tối thiểu 04 cặp/01 nội dung đồng đội đôi.
- Một đội có thể thi nhiều lần, nhiều điệu, nhiều nội dung khác nhau.

4. Luật thi đấu.

- **Âm nhạc:** Do các Câu lạc bộ tự chuẩn bị và chuyển nhạc cho Ban Tổ chức trước ngày **12/07/2026** theo địa chỉ: feelinghp1@gmail.com

- **Thời gian:** không quá **5 phút** cho 01 tiết mục

V. QUY ĐỊNH VỀ THI ĐẤU KHIÊU VŨ THỂ THAO

1. Luật thi đấu và chấm điểm theo quy định của W.D.S.F

- Âm nhạc do Ban Tổ chức quy định.
- + Đối với các phần thi nhóm của các cặp vận động viên từ 1 phút đến 1 phút 30 giây.

- + Đối với các phần thi đơn của các cặp vận động viên là 1 phút.
- + Đối với các nội dung thi ở hạng F từ 1 phút đến 1 phút 30 giây.
- Quy định âm nhạc nội dung Đồng diễn, tập thể đôi và đơn: Các tiết mục đồng diễn, tập thể có thời lượng không quá 5 phút; Nhạc do các đoàn tự cung cấp cho Ban Tổ chức giải trước khi thi đấu 2 ngày và cử người hỗ trợ Ban Tổ chức trong thời gian đội thi đấu.

2. Quy định về thi đơn và thi đôi

- Các nội dung thi đấu ở hạng F(1,2,3,4,5 hoặc FD...) là nội dung nhảy đơn (01 người)

Trong cùng thể loại Latin hoặc Standard:

- a. Không được phép thay đổi bạn nhảy trong cùng một nội dung thi đấu.
- b. Vòng chung kết hạng A, ở các điệu nhảy mà có phần thi đơn (s) theo quy định (mục 3), mỗi cặp nhảy sẽ thực hiện phần thi đơn trước, sau đó tất cả các cặp trong vòng chung kết cùng thực hiện phần thi nhóm.
- c. Thứ tự các cặp nhảy thực hiện các nội dung thi đơn (s) theo bốc thăm.
- d. *Những vận động viên ở các nội dung thi đơn, cặp vận động viên ở các nội dung thi đôi đã từng đạt giải Nhất (Huy chương Vàng) tại các nội dung điệu đơn (hạng E, F) ở các giải đấu Vô địch quốc gia, Vô địch trẻ quốc gia và Cúp các Câu lạc bộ toàn quốc từ năm 2023 đến nay không được phép thi đấu ở những nội dung mà mình đã đạt giải Nhất, nếu vi phạm sẽ bị tước quyền thi đấu hoặc hủy bỏ kết quả thi đấu.*

3. Quy định về trang phục và vũ hình Syllabus

- Các vận động viên, cặp vận động viên *nhóm tuổi Nhi đồng và Thiếu nhi* phải mặc trang phục theo quy định của WDSF và phải thực hiện bài thi theo cấu trúc vũ hình **Syllabus**.

VI. GIẢI THƯỞNG, HUY CHƯƠNG VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN

1. Thể loại thi đấu Khiêu vũ thể thao:

1.1. Nội dung hạng A, FA: Ban tổ chức trao:

- Giải nhất: 01 Cúp vàng, Huy chương vàng, Giấy chứng nhận và hiện vật của nhà tài trợ (nếu có);
- Giải nhì: 01 Cúp bạc, Huy chương bạc, Giấy chứng nhận và hiện vật của nhà tài trợ (nếu có);
- Giải ba: 01 Cúp đồng, Huy chương đồng, Giấy chứng nhận và hiện vật của nhà tài trợ (nếu có);

2. Thẻ loại đồng diễn:

2.1. Các nội dung đồng diễn thi đấu:

- Giải nhất: 01 Cúp vàng, Huy chương vàng, Giấy chứng nhận;
- Giải nhì: 01 Cúp bạc, Huy chương bạc, Giấy chứng nhận;
- Giải ba: 01 Cúp đồng, Huy chương đồng, Giấy chứng nhận.

*** Với những nội dung thi đấu có từ 08 đội trở lên, Ban tổ chức sẽ trao thêm kinh phí giải thưởng, cụ thể:**

- Giải nhất: trị giá 2.000.000đ (Hai triệu đồng)
- Giải nhì: trị giá 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng)
- Giải ba: trị giá 1.000.000đ (Một triệu đồng)

2.2. Các nội dung đồng diễn biểu diễn:

Ban Tổ chức trao 01 Cúp/01 tiết mục, Huy chương vàng và Giấy chứng nhận cho tất cả vận động viên.

3. Ban Tổ chức trao Cúp, cờ Nhất, Nhì, Ba toàn đoàn cho các đơn vị có số lượng vận động viên tham gia nhiều sự kiện nhất.

4. Ban Tổ chức trao Cúp cho vận động viên (nội dung thi đơn) và cặp vận động viên (nội dung thi đôi) có số nội dung thi nhiều nhất giải.

*** Không tổ chức thi đấu đối với những nội dung có ít hơn 03 cặp vận động viên tham dự ở các nội dung đôi; ít hơn 03 vận động viên tham dự ở các nội dung đơn; ít hơn 04 đôi hoặc 06 vận động viên ở nội dung đồng diễn đơn.**

VII. ĐĂNG KÝ THI ĐẤU

- Đăng ký chính thức: Hết ngày **13 tháng 7 năm 2026**

- Đăng ký tham dự thi đấu được thực hiện trực tuyến theo đường dẫn: <http://vndancesport.com>

- Mọi thắc mắc và thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ:

1. Huấn luyện viên **Vũ Minh Hằng**: 0905.187.652
2. Huấn luyện viên **Hoàng Đức Tuấn**: 0985.020.006

VIII. KINH PHÍ

1. Kinh phí ăn, nghỉ, di chuyển:

Các đoàn vận động viên đến tham dự giải tự túc kinh phí ăn, ở và đi lại.

2. Kinh phí tổ chức Giải: từ nguồn xã hội hoá, vận động tài trợ của các tổ chức, đơn vị và đóng góp của vận động viên.

*** Ban Tổ chức có chính sách miễn phí cho những vận động viên/cặp vận động viên đăng ký tham gia từ nội dung thi đấu thứ 10 trở đi.**

IX. KHIẾU NẠI, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VÀ KỶ LUẬT

1. Khiếu nại

Phán quyết của Hội đồng trọng tài là quyết định cuối cùng.

2. Kỷ luật

Ban Tổ chức có quyền hủy bỏ kết quả thi đấu cũng như đình chỉ thi đấu vô thời hạn đối với những vận động viên có các hành vi phi thể thao và thái độ không đúng mực đối với Ban Tổ chức và Ban Trọng tài.

X. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chỉ có Ban tổ chức Giải mới được quyền sửa đổi Điều lệ này./.

Nơi nhận:

- Sở VHTT và DL Hải Phòng (để b/c);
- Các CLB khiêu vũ, dân vũ;
- Lưu HCTH.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Lập